



Lumis™ series

VPAP S

VPAP ST



Hướng dẫn sử dụng
Tiếng Anh

Xin chào quý vị

Thiết bị Lumis™ 100 VPAP S, Lumis 100 VPAP ST và Lumis 150 VPAP ST là các thiết bị thông khí áp lực đường 2 mức.

CẢNH BÁO

- Đọc toàn bộ hướng dẫn này trước khi sử dụng thiết bị.
- Sử dụng thiết bị theo mục đích được quy định trong hướng dẫn này.
- Quý vị nên ưu tiên tuân thủ lời khuyên từ bác sĩ kê đơn của mình hơn thông tin được cung cấp trong hướng dẫn này.

Chỉ định sử dụng

Lumis 100 VPAP S

Thiết bị Lumis 100 VPAP S được chỉ định để cung cấp thông khí không xâm nhập nhằm điều trị suy hô hấp hoặc chứng ngưng thở khi ngủ do tắc nghẽn (OSA) ở bệnh nhân cân nặng trên 13 kg. Thiết bị được thiết kế để sử dụng tại nhà và trong bệnh viện.

Bộ tạo ẩm được thiết kế để sử dụng cá nhân cho bệnh nhân tại nhà và tái sử dụng trong bệnh viện/cơ sở.

Lumis 100 VPAP ST

Thiết bị Lumis 100 VPAP ST được chỉ định để cung cấp thông khí không xâm nhập nhằm điều trị suy hô hấp hoặc chứng ngưng thở khi ngủ do tắc nghẽn (OSA) ở bệnh nhân cân nặng trên 13 kg. Thiết bị được thiết kế để sử dụng tại nhà và trong bệnh viện.

Bộ tạo ẩm được thiết kế để sử dụng cá nhân cho bệnh nhân tại nhà và tái sử dụng trong bệnh viện/cơ sở.

Lumis 150 VPAP ST

Thiết bị Lumis 150 VPAP ST được chỉ định để cung cấp thông khí không xâm nhập nhằm điều trị suy hô hấp hoặc chứng ngưng thở khi ngủ do tắc nghẽn (OSA) ở bệnh nhân cân nặng trên 13 kg hoặc trên 30 kg ở chế độ iVAPS. Thiết bị được thiết kế để sử dụng tại nhà và trong bệnh viện.

Bộ tạo ẩm được thiết kế để sử dụng cá nhân cho bệnh nhân tại nhà và tái sử dụng trong bệnh viện/cơ sở.

Chống chỉ định

Điều trị áp lực đường thở dương có thể được chống chỉ định ở một số bệnh nhân có các bệnh lý từ trước dưới đây:

- bệnh kén phổi nặng
- tràn khí màng phổi hoặc tràn khí trung thất
- huyết áp thấp bệnh lý, đặc biệt nếu liên quan đến giảm thể tích nội mạch
- mất nước
- rò rỉ dịch não tủy, phẫu thuật sọ não gần đây hoặc chấn thương.

Tác dụng bất lợi

Quý vị nên báo cáo cho bác sĩ kê đơn của mình nếu bị đau ngực bất thường, đau đầu dữ dội hoặc khó thở tăng dần. Có thể phải tạm thời ngừng điều trị nếu bệnh nhân bị nhiễm trùng cấp tính đường hô hấp trên.

Các tác dụng phụ dưới đây có thể phát sinh trong quá trình điều trị với thiết bị:

- làm khô mũi, miệng hoặc cổ họng
- chảy máu mũi
- đầy hơi
- khó chịu ở tai hoặc xoang
- kích ứng mắt
- phát ban trên da.

Giới thiệu nhanh

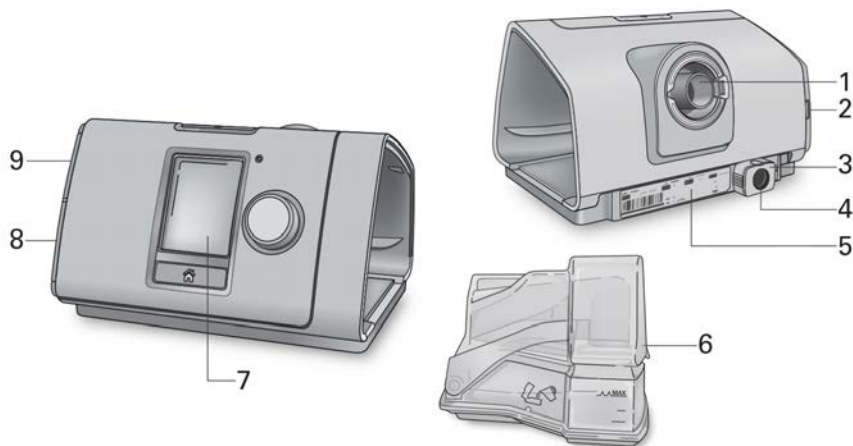
Lumis bao gồm các bộ phận dưới đây:

- Thiết bị chính
- Bộ tạo ẩm HumidAir™ (nếu được cung cấp)
- Dây thở
- Bộ cấp nguồn
- Túi đựng mang theo
- Thẻ SD (đã được lắp).

Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị để biết các loại phụ kiện có sẵn để sử dụng với thiết bị, bao gồm:

- Dây thở (có sưởi và không sưởi): ClimateLineAir™, ClimateLineAir Oxy, SlimLine™, Tiêu chuẩn
- Bộ tạo ẩm HumidAir
- Nắp bên được sử dụng khi không lắp bộ tạo ẩm
- Bộ lọc: Bộ lọc không gây dị ứng, bộ lọc tiêu chuẩn
- Bộ chuyển đổi điện áp DC/DC Air10™ (12V/24V)
- Bộ đọc thẻ SD
- Bộ chuyển đổi máy đo oxy Air10
- Bộ chuyển đổi USB Air10
- Pin Power Station II
- Ống nối cong Air10

Giới thiệu về thiết bị



- 1 Cổng ra khí
- 2 Nắp lọc bụi
- 3 Kẹp giữ
- 4 Đầu cắm nguồn
- 5 Số sê-ri và số thiết bị

- 6 Bộ tạo ẩm HumidAir
- 7 Màn hình
- 8 Nắp bộ chuyển đổi
- 9 Nắp khe thẻ SD

Giới thiệu về bảng điều khiển

 Nút Bắt đầu/Dừng

Nhấn để bắt đầu/dừng liệu pháp.
Nhấn và giữ trong ba giây để vào chế độ tiết kiệm năng lượng.

 Nút xoay

Xoay để điều hướng menu và nhấn để chọn một tùy chọn.
Xoay để điều chỉnh một tùy chọn đã chọn và nhấn để lưu thay đổi.

 Nút Home

Nhấn để trở lại màn hình Trang Chủ (Home).

Các biểu tượng khác nhau có thể được hiển thị trên màn hình vào những thời điểm khác nhau bao gồm:

 Thời Gian Ramp (Ramp Time)

 Cường độ tín hiệu không dây (màu xanh lục)

 Độ ẩm

 Tính năng truyền không dây không được kích hoạt (màu xám)

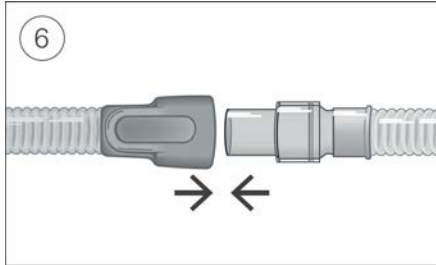
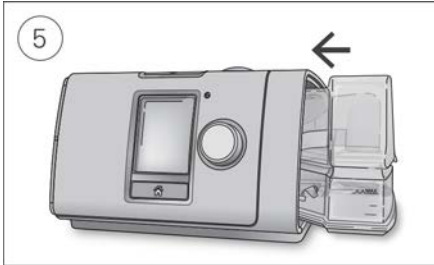
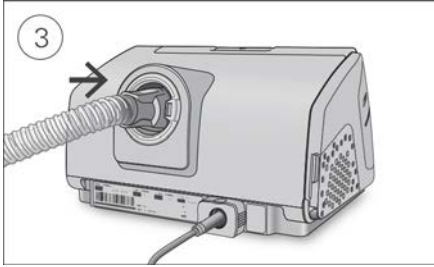
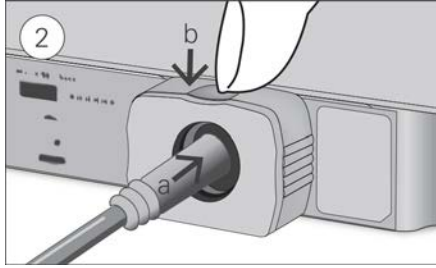
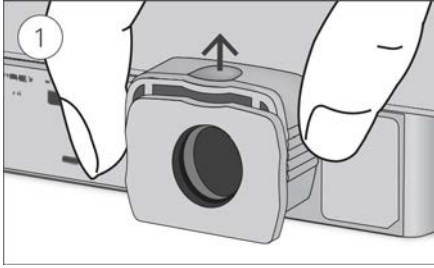
 Làm ẩm bộ tạo ẩm

 Không có kết nối không dây

 Làm mát bộ tạo ẩm

 Chế độ máy bay

Cài đặt



⚠ THẬN TRỌNG

Không đổ quá đầy bộ tạo ẩm vì nước có thể xâm nhập vào thiết bị và dây thở.

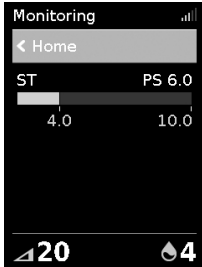
1. Đặt thiết bị trên một bề mặt bằng phẳng chắc chắn, hãy nắm chặt kẹp giữ ở mặt sau của thiết bị và kéo lên để mở. Lưu ý: Kẹp giữ được minh họa ở vị trí mở.
2. (a) Cắm đầu nối nguồn vào ổ cắm điện của thiết bị, sau đó (b) ấn kẹp giữ xuống để cố định vào vị trí. Kết nối một đầu của dây nguồn vào bộ nguồn và đầu kia vào ổ cắm nguồn.
3. Nối chắc chắn dây thở với cổng ra ở phía sau thiết bị.
4. Mở bộ tạo ẩm và đổ nước vào đến vạch mức nước tối đa. Không đổ nước nóng vào bộ tạo ẩm.
5. Đóng bộ tạo ẩm và lắp vào mặt bên của thiết bị.
6. Nối chắc chắn đầu còn lại của dây thở với mặt nạ đã lắp ráp. Xem hướng dẫn sử dụng mặt nạ để biết thông tin chi tiết.

Các mặt nạ được khuyến nghị sử dụng có trên www.resmed.com.

Bắt đầu liệu pháp

1. Đeo mặt nạ.
2. Nhấn nút Bắt đầu/Ngừng hoặc thở bình thường nếu SmartStart™ bật.

Khi màn hình Theo Dõi (Monitoring) được hiển thị, tức là liệu pháp đang bật.



Thanh áp suất hiển thị áp suất hít vào và thở ra có màu xanh lục. Thanh màu xanh lục sẽ mở rộng và co lại khi quý vị hít vào và thở ra.

Màn hình sẽ tự động chuyển sang màu đen sau một thời gian ngắn. Quý vị có thể nhấn Home hoặc nút xoay để bật lại. Nếu nguồn điện bị ngắt trong khi đang thực hiện liệu pháp, thiết bị sẽ tự động khởi động lại liệu pháp khi có điện trở lại.

Thiết bị Lumis có cảm biến ánh sáng giúp điều chỉnh độ sáng màn hình dựa vào ánh sáng trong phòng.

Ngừng liệu pháp

1. Tháo mặt nạ ra.
2. Nhấn Bắt đầu/Dừng hoặc nếu SmartStart được bật, liệu pháp sẽ tự động dừng sau vài giây.

Lưu ý: Nếu bật Xác Nhận Dừng (Confirm Stop), một thông báo sẽ hiển thị để hỏi xem quý vị có muốn dừng trị liệu hay không. Xoay nút xoay để chọn Có (Yes) và nhấn nút xoay để ngừng liệu pháp.

Khi đã ngừng liệu pháp, Báo Cáo Giấc Ngủ (Sleep Report) sẽ cung cấp cho quý vị một bản tóm tắt về buổi trị liệu của quý vị.



Giờ sử dụng (Usage hours) – Cho biết số giờ trị liệu mà quý vị đã nhận được trong buổi trước.

Độ Kín Mặt Nạ (Mask Seal) – Cho biết mức độ kín của mặt nạ của quý vị:



Mặt nạ đóng kín tốt.



Cần điều chỉnh, xem Cân chỉnh mặt nạ thở.

Bộ tạo ẩm (Humidifier) – Cho biết bộ tạo ẩm của quý vị có hoạt động bình thường hay không:



Bộ tạo ẩm đang hoạt động.



Bộ tạo ẩm có thể bị lỗi, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị.

Nếu được nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị cài đặt, quý vị cũng sẽ thấy:

Biến cố mỗi giờ (Events per hour) – Cho biết số lần ngừng thở và giảm thở đã trải qua mỗi giờ.

Thêm Thông Tin (More Info) – Xoay nút xoay để cuộn xuống xem dữ liệu sử dụng chi tiết hơn.

Chế độ tiết kiệm năng lượng

Thiết bị Lumis ghi lại dữ liệu trị liệu của quý vị. Để cho phép thiết bị truyền dữ liệu đến nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của mình, quý vị không nên rút phích cắm của thiết bị. Tuy nhiên, quý vị có thể cài đặt thiết bị ở chế độ tiết kiệm năng lượng để tiết kiệm điện.

Để vào chế độ tiết kiệm năng lượng:

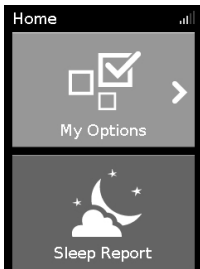
- Nhấn và giữ nút Bắt đầu/Dừng trong ba giây.
Màn hình chuyển sang màu đen.

Để thoát chế độ tiết kiệm năng lượng:

- Nhấn Bắt đầu/Dừng một lần.
Màn hình Trang Chủ (Home) được hiển thị.

Tùy Chọn Của Tôi (My Options)

Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc có thể đã cài đặt thiết bị Lumis cho phù hợp với nhu cầu của quý vị, nhưng có thể quý vị sẽ muốn điều chỉnh để liệu pháp của mình thoải mái hơn.



Chọn Tùy Chọn Của Tôi (My Options) và nhấn nút xoay để xem cài đặt hiện tại của quý vị. Từ đây, quý vị có thể điều chỉnh các tùy chọn cho phù hợp với mình.

Thời Gian Ramp (Ramp Time)

Được thiết kế để giúp bắt đầu trị liệu thoải mái hơn, Thời Gian Khởi Động là khoảng thời gian áp suất tăng từ áp suất ban đầu thấp đến áp suất điều trị được kê toa.

Quý vị có thể đặt Thời Gian Ramp thành Tắt (Off) hoặc từ 5 đến 45 phút.



Để điều chỉnh Thời Gian Ramp:

1. Trong màn hình Tùy Chọn Của Tôi (My Options), xoay nút xoay để chọn Thời Gian Ramp (Ramp Time) rồi nhấn nút xoay.
2. Xoay nút xoay để điều chỉnh thời gian Ramp thành mức cài đặt mong muốn và nhấn nút xoay để lưu thay đổi.

Giảm Áp Lực (Ramp Down)

Chức năng Giảm Áp Lực nhằm giúp cho việc ngừng liệu pháp thoải mái hơn bằng cách giảm áp lực trong khoảng thời gian 15 phút cố định. Tùy chọn này sẽ chỉ có sẵn thông qua nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị.



Để bật Giảm Áp Lực:

1. Trong màn hình Tùy Chọn Của Tôi (My Options), xoay nút xoay để chọn Giảm Áp Lực (Ramp Down) rồi nhấn nút xoay.
2. Xoay nút xoay để chọn Bật (On) và nhấn nút xoay để lưu thay đổi.

Để bắt đầu Giảm Áp Lực:

1. Nhấn nút Bắt đầu/Dừng.

Lưu ý: Nếu bật Xác Nhận Dừng (Confirm Stop), một thông báo sẽ hiển thị để hỏi xem quý vị có muốn bắt đầu Giảm Áp Lực hay không. Xoay nút xoay để chọn Có (Yes) và nhấn nút xoay để bắt đầu Giảm Áp Lực.

Biểu tượng Giảm Áp Lực  và thời gian còn lại sẽ được hiển thị ở phía dưới bên trái của màn hình.

Khi Giảm Áp Lực hoàn tất, thiết bị sẽ tiếp tục chạy ở áp suất thấp. Để dừng trị liệu bất cứ lúc nào, hãy nhấn Bắt đầu/Dừng.

Mức Ẩm (Humidity Level)

Bộ tạo ẩm làm ẩm không khí và được thiết kế để giúp liệu pháp thoải mái hơn. Nếu quý vị đang bị khô mũi hoặc miệng, hãy tăng độ ẩm. Nếu có hơi ẩm trong mặt nạ của quý vị, hãy giảm độ ẩm xuống.

Quý vị có thể cài đặt Mức Ẩm (Humidity Level) thành Tắt (Off) hoặc từ 1 đến 8, trong đó 1 là cài đặt độ ẩm thấp nhất và 8 là cài đặt độ ẩm cao nhất.



Để điều chỉnh Mức Ẩm (Humidity Level):

1. Trong Tùy Chọn Của Tôi (My Options), xoay nút xoay để chọn Mức Ẩm (Humidity Level) rồi nhấn nút xoay.
2. Xoay nút xoay để điều chỉnh mức ẩm và nhấn nút xoay để lưu thay đổi.

Nếu quý vị vẫn bị khô mũi hoặc miệng, hoặc bị ẩm trong mặt nạ, hãy cân nhắc sử dụng dây thở có sưởi ClimateLineAir. ClimateLineAir cùng với Climate Control (Kiểm Soát Nhiệt Độ) mang lại liệu pháp thoải mái hơn.

Cân chỉnh mặt nạ thở (Mask Fit)

Tính năng Cân chỉnh mặt nạ thở được thiết kế để giúp quý vị đánh giá và xác định các lỗ thoát khí có thể xuất hiện xung quanh mặt nạ của mình.



Để kiểm tra Cân chỉnh mặt nạ thở:

- 1. Đeo mặt nạ như mô tả trong hướng dẫn sử dụng mặt nạ.
- 2. Trong Tùy Chọn Của Tôi (My Options), xoay nút xoay để chọn Chạy Cân chỉnh mặt nạ thở (Run Mask Fit), rồi nhấn nút xoay. Thiết bị bắt đầu thổi khí.
- 3. Điều chỉnh mặt nạ, phần đệm mặt nạ và mũ đội đầu cho đến khi quý vị nhận được kết quả Tốt (Good).

Để dừng Cân chỉnh mặt nạ thở, nhấn nút xoay hoặc Bắt đầu/Dừng. Nếu quý vị không thể đóng kín mặt nạ, hãy báo với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của mình.

Tùy chọn khác

Có một số lựa chọn khác trên thiết bị mà quý vị có thể cá nhân hóa.

Mặt nạ (Mask)	Tùy chọn này hiển thị cài đặt loại mặt nạ của quý vị. Nếu quý vị sử dụng nhiều loại mặt nạ, hãy điều chỉnh cài đặt này khi chuyển đổi giữa các loại mặt nạ.
Chạy Làm Ấm (Run Warm Up)	Tùy chọn này cho phép quý vị làm ấm nước trước khi bắt đầu liệu pháp, để không khí không bị lạnh hoặc khô khi bắt đầu trị liệu.
Giảm Áp Lực (Ramp Down)*	Tùy chọn này nhằm làm cho việc ngừng liệu pháp thoải mái hơn bằng cách giảm áp lực trong khoảng thời gian 15 phút cố định.
Cảnh Báo Rò Rỉ (Leak Alert)*	Khi bật Cảnh Báo Rò Rỉ, thiết bị sẽ phát ra tiếng bíp nếu mặt nạ rò rỉ quá nhiều không khí hoặc nếu quý vị tháo mặt nạ trong khi trị liệu.
SmartStart*	Khi bật SmartStart, liệu pháp sẽ tự động bắt đầu khi quý vị hít thở vào mặt nạ. Khi quý vị tháo mặt nạ, thiết bị sẽ tự động dừng sau vài giây.

*Khi được nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị kích hoạt.

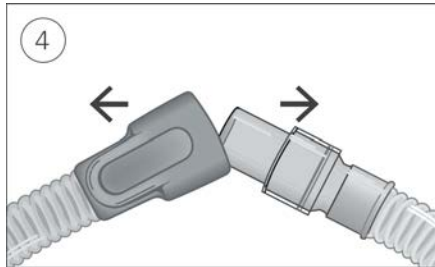
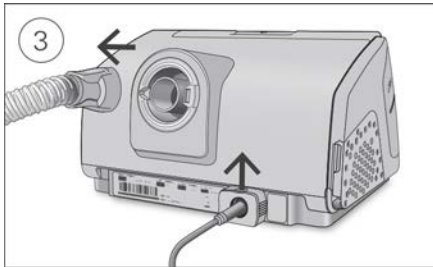
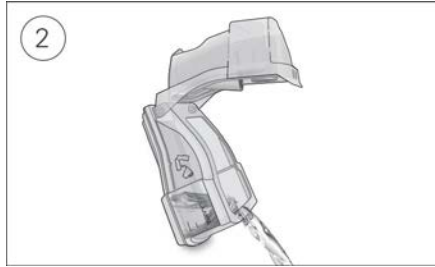
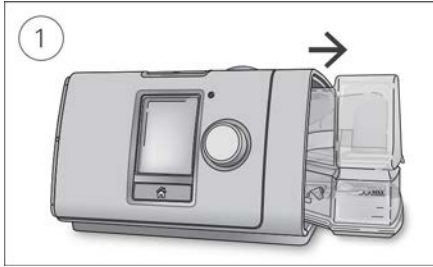
Giữ gìn thiết bị của quý vị

Điều quan trọng là quý vị phải thường xuyên vệ sinh thiết bị Lumis của mình để đảm bảo có được liệu pháp tối ưu. Các phần sau đây sẽ giúp quý vị tháo rời, vệ sinh, kiểm tra và lắp ráp lại thiết bị của mình.

CẢNH BÁO

Thường xuyên vệ sinh cụm ống dẫn, bộ tạo ẩm và mặt nạ để nhận được liệu pháp điều trị tối ưu và ngăn chặn sự phát triển của vi khuẩn có thể ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của quý vị.

Tháo rời



1. Giữ bộ tạo ẩm ở trên cùng và dưới cùng, ấn nhẹ và kéo ra khỏi thiết bị.
2. Mở bộ tạo ẩm và xả hết lượng nước còn lại.
3. Giữ vòng bít của dây thở và nhẹ nhàng kéo ra khỏi thiết bị.
Nắm chặt kẹp giữ và kéo lên để nhả dây nguồn.
4. Giữ cả vòng bít của dây thở và khớp xoay của mặt nạ, sau đó nhẹ nhàng kéo ra.

Làm sạch

Quý vị nên vệ sinh thiết bị hàng tuần như mô tả. Để làm sạch mặt nạ, tham khảo hướng dẫn sử dụng mặt nạ để xem hướng dẫn chi tiết.

1. Rửa bộ tạo ẩm và dây thở trong nước ấm với chất tẩy rửa nhẹ.
2. Xả kỹ bộ tạo ẩm và dây thở và để khô tránh ánh nắng trực tiếp và/hoặc nhiệt độ.
3. Lau bên ngoài thiết bị bằng vải khô.

Lưu ý:

- Có thể vệ sinh bộ tạo ẩm trong máy rửa chén theo chu trình đồ dễ vỡ hoặc thủy tinh (chỉ xếp ở kệ trên cùng). Không nên rửa ở nhiệt độ cao hơn 65°C.
- Không rửa dây thở trong máy rửa bát hoặc máy giặt.
- Rửa bộ tạo ẩm hàng ngày và lau kỹ bằng vải sạch dùng một lần. Để khay khô tránh ánh nắng trực tiếp và/hoặc nhiệt độ.

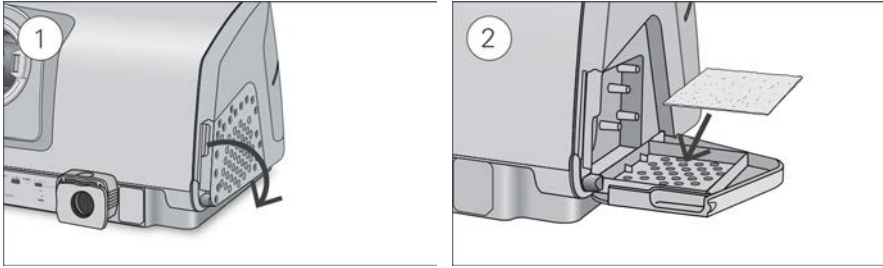
Kiểm tra

Quý vị nên thường xuyên kiểm tra bộ tạo ẩm, dây thở và lọc bụi xem có hư hỏng gì không.

1. Kiểm tra bộ tạo ẩm:

- Thay thế nếu bị rò rỉ hoặc bị nứt, mờ sương hoặc bị rỉ.
 - Thay thế nếu gioăng bị nứt hoặc rách.
 - Loại bỏ mọi cặn bột trắng bằng cách sử dụng dung dịch gồm 1 phần giấm ăn với 10 phần nước.
2. Kiểm tra dây thở và thay thế nếu có bất kỳ lỗ thủng, vết rách hoặc vết nứt nào.
3. Kiểm tra lọc bụi và thay thế ít nhất sáu tháng một lần. Thay thế thường xuyên hơn nếu có lỗ thủng hoặc tắc nghẽn do bụi bẩn.

Thay lọc bụi:



1. Mở lọc bụi và thay thế lọc bụi cũ.
Bộ lọc khí không thể rửa hoặc sử dụng lại được.
2. Đặt một lọc bụi mới lên nắp lọc bụi, sau đó đóng nắp lại.
Đảm bảo lọc bụi luôn trong tình trạng được lắp vào để ngăn nước và bụi xâm nhập vào thiết bị.

Lắp lại

Khi bộ tạo ẩm và dây thở đã khô, quý vị có thể lắp lại các bộ phận.

1. Nối chắc chắn dây thở với cổng ra ở phía sau thiết bị.
2. Mở bộ tạo ẩm và đổ nước có nhiệt độ phòng vào đến vạch mức nước tối đa.
3. Đóng bộ tạo ẩm và lắp vào mặt bên của thiết bị.
4. Nối chắc chắn đầu còn lại của dây thở với mặt nạ đã lắp ráp.

Dữ liệu liệu pháp

Thiết bị Lumis ghi lại dữ liệu liệu pháp cho quý vị và nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị để họ có thể xem và thực hiện các thay đổi đối với liệu pháp dành cho quý vị nếu cần. Dữ liệu được ghi lại và sau đó được chuyển đến nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị qua công nghệ không dây, có mạng không dây, hoặc qua thẻ SD.

Truyền dữ liệu

Thiết bị Lumis của quý vị có khả năng liên lạc không dây để dữ liệu trị liệu của quý vị có thể được truyền đến nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị nhằm cải thiện chất lượng điều trị của quý vị. Đây là một tính năng tùy chọn sẽ chỉ khả dụng nếu quý vị chọn hưởng lợi từ tính năng này và nếu có mạng không dây. Tính năng này cũng cho phép nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc cập nhật cài đặt trị liệu của quý vị kịp thời hơn hoặc nâng cấp phần mềm thiết bị để đảm bảo quý vị nhận được liệu pháp tốt nhất có thể.

Dữ liệu thường được truyền sau khi ngừng liệu pháp. Để đảm bảo rằng dữ liệu của quý vị được truyền đi, hãy luôn để thiết bị của quý vị được kết nối với nguồn điện chính và đảm bảo rằng thiết bị không ở Chế độ máy bay.

Lưu ý:

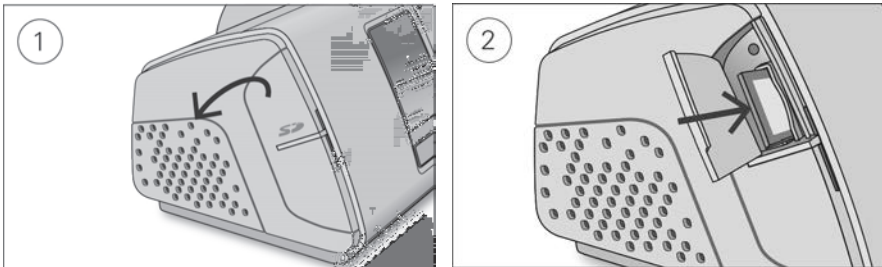
- Dữ liệu về liệu pháp có thể không được truyền nếu quý vị sử dụng bên ngoài quốc gia hoặc khu vực mua thiết bị.
- Liên lạc không dây phụ thuộc vào tính khả dụng của mạng.
- Thiết bị có tính năng liên lạc không dây có thể không được cung cấp ở tất cả các khu vực.

Thẻ SD

Một cách khác để dữ liệu liệu pháp của quý vị được chuyển đến nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị là thông qua thẻ SD. Nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc có thể yêu cầu quý vị gửi thẻ SD qua thư hoặc mang thẻ đến. Chỉ tháo thẻ SD khi được nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị hướng dẫn.

Không tháo thẻ SD khỏi thiết bị khi đèn SD đang nhấp nháy vì dữ liệu đang được ghi vào thẻ.

Để tháo thẻ SD:



1. Mở nắp khe cắm thẻ SD.
2. Đẩy thẻ SD vào để nhả thẻ. Tháo thẻ SD khỏi thiết bị.
Đặt thẻ SD vào thư mục bảo vệ và làm theo hướng dẫn từ nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị.

Để biết thêm thông tin về thẻ SD, hãy tham khảo thư mục bảo vệ thẻ SD được cung cấp cùng với thiết bị của quý vị.

Lưu ý: Không nên sử dụng thẻ SD cho bất kỳ mục đích nào khác.

Đi lại

Quý vị có thể mang theo thiết bị Lumis của mình mọi lúc mọi nơi. Chỉ cần lưu ý những điều sau:

- Sử dụng túi đựng được cung cấp để tránh làm hỏng thiết bị.
- Đổ hết nước trong bộ tạo ẩm và bọc riêng trong túi đựng.
- Đảm bảo rằng quý vị có dây nguồn thích hợp cho khu vực quý vị sắp đến. Để biết thông tin về việc mua hàng, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị.
- Nếu đang sử dụng pin ngoài, quý vị nên tắt bộ tạo ẩm để tối đa hóa tuổi thọ của pin. Để tắt máy, đặt Mức Ẩm (Humidity Level) thành Tắt (Off).

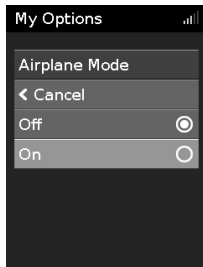
Đi máy bay

Thiết bị Lumis của quý vị có thể được mang lên máy bay như hành lý xách tay. Thiết bị y tế không được tính vào giới hạn hành lý xách tay của quý vị.

Quý vị có thể sử dụng thiết bị Lumis trên máy bay vì thiết bị này đáp ứng các yêu cầu của Cục Hàng Không Liên Bang (FAA). Thư tuân thủ di chuyển đường hàng không có thể được tải xuống và in từ www.resmed.com.

Khi sử dụng thiết bị trên máy bay:

- Đảm bảo rằng bộ tạo ẩm đã hết sạch nước và được lắp vào thiết bị của quý vị. Thiết bị sẽ không hoạt động nếu không lắp bộ tạo ẩm.
- Bật Chế Độ Máy Bay (Airplane Mode).



Để bật Chế Độ Máy Bay:

1. Trong Tùy Chọn Của Tôi (My Options), xoay nút xoay để chọn Chế Độ Máy Bay (Airplane Mode) rồi nhấn nút xoay.
2. Xoay nút xoay để chọn Bật (On) và nhấn nút xoay để lưu thay đổi.

Hiển thị biểu tượng Chế Độ Máy Bay ✈️ trên cùng bên phải của màn hình.

⚠️ THẬN TRỌNG

Không sử dụng thiết bị trên máy bay khi có nước trong bộ tạo ẩm do nguy cơ hít phải nước khi nhiễu động.

Xử lý sự cố

Nếu quý vị gặp bất kỳ sự cố nào, hãy xem các chủ đề xử lý sự cố sau đây. Nếu quý vị không thể khắc phục sự cố, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị hoặc ResMed. Không cố mở thiết bị.

Xử lý sự cố chung

Vấn đề/nguyên nhân có thể	Giải pháp
Không khí đang rò rỉ xung quanh mặt nạ của tôi	
Mặt nạ có thể đã lắp không đúng cách.	Đảm bảo quý vị đeo mặt nạ đúng cách. Xem hướng dẫn sử dụng mặt nạ để biết hướng dẫn đeo hoặc sử dụng chức năng Cân chỉnh mặt nạ thở (Mask Fit) để kiểm tra độ kín và độ kín của mặt nạ.
Tôi đang bị khô hoặc nghẹt mũi	
Mức ẩm có thể được đặt quá thấp.	Điều chỉnh Mức Ẩm (Humidity Level). Nếu quý vị có dây thở có sưởi ClimateLineAir, hãy xem hướng dẫn sử dụng ClimateLineAir.
Tôi thấy có nước đọng giọt trên mũi, trong mặt nạ và dây thở	
Mức ẩm có thể được đặt quá cao.	Điều chỉnh Mức Ẩm (Humidity Level). Nếu quý vị có dây thở có sưởi ClimateLineAir, hãy xem hướng dẫn sử dụng ClimateLineAir.
Tôi thấy miệng rất khô và khó chịu	
Không khí có thể thoát qua miệng của quý vị.	Tăng Mức Ẩm (Humidity Level). Quý vị có thể cần dây đeo cằm để giữ kín miệng hoặc dùng mặt nạ thở mũi miệng.
Áp suất không khí trong mặt nạ của tôi có vẻ quá cao (có cảm giác như tôi đang hít vào quá nhiều không khí)	
Chế độ Khởi động có thể bị tắt.	Sử dụng lựa chọn Thời Gian Thích nghi (Ramp Time).
Áp suất không khí trong mặt nạ của tôi có vẻ quá thấp (có cảm giác như tôi không hít đủ không khí)	
Chế độ Khởi động (Ramp) có thể đang diễn ra  .	Chờ cho áp suất không khí tăng lên hoặc tắt Thời Gian Thích nghi (Ramp Time).
Chế độ Giảm hoạt động có thể đang diễn ra  .	Nhấn nút Bắt đầu/Dừng để dừng trị liệu, sau đó nhấn Bắt đầu/Dừng để khởi động lại và tiếp tục trị liệu.
Màn hình của tôi màu đen	
Đèn nền trên màn hình có thể đã tắt. Màn hình sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian ngắn.	Nhấn nút Home hoặc nút xoay để bật lại.
Có thể nguồn đang không được kết nối.	Kết nối nguồn điện và đảm bảo rằng phích cắm đã được cắm hoàn toàn.

Vấn đề/nguyên nhân có thể	Giải pháp
Tôi đã dừng trị liệu, nhưng thiết bị vẫn thổi khí	
Thiết bị đang hạ nhiệt.	Thiết bị thổi một lượng nhỏ không khí để tránh ngưng tụ trong dây thở. Thiết bị sẽ tự động dừng sau 30 phút.
Bộ tạo ẩm của tôi bị rò rỉ	
Bộ tạo ẩm có thể không được lắp ráp đúng cách.	Kiểm tra xem có hư hỏng không và lắp ráp lại bộ tạo ẩm đúng cách.
Bộ tạo ẩm có thể bị hỏng hoặc nứt.	Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị để thay thế.
Dữ liệu liệu pháp của tôi chưa được gửi đến nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của tôi	
Có thể nguồn đang không được kết nối.	Kết nối nguồn điện và đảm bảo rằng phích cắm đã được cắm hoàn toàn.
Vùng phủ sóng không dây có thể kém.	Đảm bảo thiết bị được đặt trong vùng phủ sóng (tức là trên bàn cạnh giường ngủ của quý vị, không phải trong ngăn kéo hoặc trên sàn nhà). Biểu tượng cường độ tín hiệu không dây  cho biết vùng phủ sóng mạnh khi hiển thị tất cả các vạch và vùng phủ sóng kém khi hiển thị ít vạch.
Hiển thị biểu tượng Không có kết nối không dây  trên cùng bên phải của màn hình. Không có kết nối không dây.	Đảm bảo thiết bị được đặt trong vùng phủ sóng (tức là trên bàn cạnh giường ngủ của quý vị, không phải trong ngăn kéo hoặc trên sàn nhà). Nếu được hướng dẫn như trên, hãy gửi thẻ SD cho nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị. Thẻ SD cũng chứa dữ liệu liệu pháp của quý vị.
Thiết bị có thể đang ở Chế Độ Máy Bay.	Tắt Chế Độ Máy Bay, xem phần Đi lại bằng máy bay.
Tính năng truyền dữ liệu không được bật cho thiết bị của quý vị.	Trao đổi với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị về cài đặt của quý vị.
Màn hình và các nút nhấp nháy	
Đang nâng cấp phần mềm.	Quy trình nâng cấp phần mềm mất khoảng 10 phút để hoàn thành.

Thông báo của thiết bị

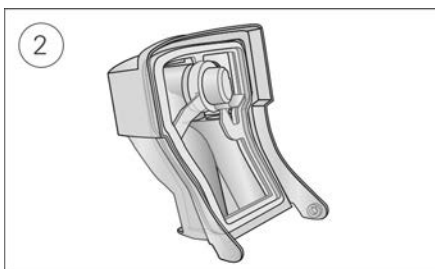
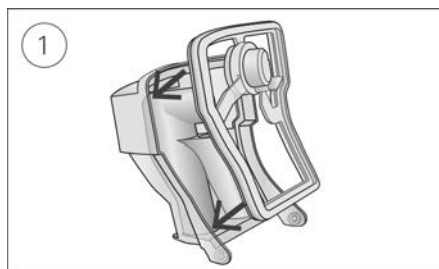
Thông báo thiết bị/nguyên nhân có thể	Giải pháp
Phát hiện rò rỉ cao, hãy kiểm tra khay nước, van chốt của khay, hoặc nắp bên (High leak detected, check your water tub, tub seal or side cover)	
Bộ tạo ẩm có thể không được lắp đúng cách.	Đảm bảo bộ tạo ẩm được lắp đúng cách.
Gioăng của bộ tạo ẩm có thể không được lắp đúng cách.	Mở Bộ tạo ẩm và đảm bảo gioăng đã được lắp đúng cách.

Thông báo thiết bị/nguyên nhân có thể	Giải pháp
Đã phát hiện rò rỉ cao, hãy kết nối ống dẫn (High leak detected, connect your tubing)	
Dây thở có thể không được kết nối đúng.	Đảm bảo rằng dây thở được kết nối chắc chắn ở cả hai đầu.
Mặt nạ có thể đã lắp không đúng cách.	Đảm bảo quý vị đeo mặt nạ đúng cách. Xem hướng dẫn sử dụng mặt nạ để biết hướng dẫn đeo hoặc sử dụng chức năng Chỉnh Vừa Mặt Nạ (Mask Fit) để kiểm tra độ kín của mặt nạ.
Ống dẫn bị chặn, hãy kiểm tra ống dẫn của quý vị (Tubing blocked, check your tubing)	
Dây thở có thể bị tắc.	Kiểm tra dây thở và loại bỏ mọi tắc nghẽn. Nhấn nút xoay để xóa thông báo và sau đó nhấn nút Bắt đầu/Dừng để khởi động lại thiết bị.
Lỗi Thẻ SD, hãy tháo thẻ của quý vị và nhấn Bắt đầu để bắt đầu liệu pháp (SD card error, remove your card and press Start to begin therapy)	
Thẻ SD có thể không được lắp đúng cách.	Tháo và lắp lại thẻ SD.
Thẻ ở chế độ chỉ đọc, vui lòng tháo, mở khóa và lắp lại thẻ SD (Read only card, please remove, unlock and re-insert SD card)	
Công tắc thẻ SD có thể ở vị trí khóa (chỉ đọc).	Di chuyển công tắc trên thẻ SD từ vị trí khóa  thành vị trí mở khóa  và lắp lại thẻ.
Lỗi hệ thống, tham khảo hướng dẫn sử dụng, Lỗi 004 (System fault, refer to user guide, Error 004)	
Thiết bị có thể đã được để trong môi trường nóng.	Đề nghị trước khi sử dụng lại. Ngắt kết nối nguồn điện, sau đó kết nối lại để khởi động lại thiết bị.
Lọc bụi có thể bị tắc.	Kiểm tra lọc bụi và thay thế nếu có bị tắc nghẽn. Ngắt kết nối nguồn điện, sau đó kết nối lại để khởi động lại thiết bị.
Dây thở có thể bị tắc.	Kiểm tra dây thở và loại bỏ mọi tắc nghẽn. Nhấn nút xoay để xóa thông báo và sau đó nhấn nút Bắt đầu/Dừng để khởi động lại thiết bị.
Có thể có nước trong dây thở.	Đổ hết nước ra khỏi dây thở. Ngắt kết nối nguồn điện, sau đó kết nối lại để khởi động lại thiết bị.
Tất cả các thông báo lỗi khác, ví dụ: Lỗi hệ thống, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng, Lỗi 0XX (System fault, refer to user guide, Error 0XX)	
Đã xảy ra lỗi không thể khôi phục trên thiết bị.	Liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị. Không mở thiết bị.

Lắp ráp lại các bộ phận

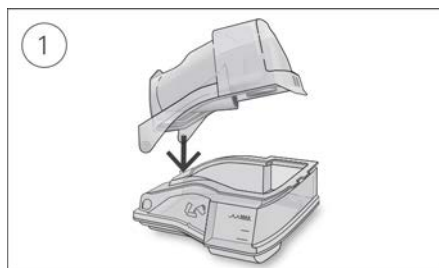
Một số bộ phận trên thiết bị của quý vị được thiết kế để dễ dàng tháo ra nhằm tránh làm hỏng các bộ phận hoặc thiết bị. Quý vị có thể dễ dàng lắp ráp lại các bộ phận như mô tả bên dưới.

Để lắp gioăng bộ tạo ẩm:



1. Đặt gioăng vào nắp.
2. Nhấn xuống dọc theo tất cả các cạnh của gioăng cho đến khi gioăng được cố định chắc chắn.

Để lắp nắp bộ tạo ẩm:



1. Chèn một mặt của nắp vào lỗ trục của đế.
2. Trượt bên còn lại xuống cho đến khi khớp vào vị trí.

Cảnh báo chung và thận trọng

CẢNH BÁO

- Đảm bảo rằng quý vị sắp xếp dây thở sao cho không bị xoắn quanh đầu hoặc cổ.
- Đảm bảo dây nguồn và phích cắm ở tình trạng tốt và thiết bị không bị hư hỏng.
- Giữ dây nguồn xa các bề mặt nóng.
- Nếu quý vị nhận thấy bất kỳ thay đổi nào không giải thích được về hiệu suất của thiết bị, nếu thiết bị phát ra âm thanh bất thường, nếu thiết bị hoặc nguồn điện bị rơi hoặc sử dụng sai cách, hoặc nếu vỏ bọc bị hỏng, hãy ngừng sử dụng và liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của quý vị hoặc Trung Tâm Dịch Vụ ResMed.
- Không mở hoặc sửa đổi thiết bị. Bên trong không có bộ phận nào người sử dụng có thể dùng được. Việc sửa chữa và bảo trì chỉ nên được đại lý dịch vụ ResMed được ủy quyền thực hiện.
- Cẩn thận điện giật. Không nhúng thiết bị, nguồn điện hoặc dây nguồn vào nước. Nếu chất lỏng ngấm vào hoặc đổ vào thiết bị, hãy rút phích cắm của thiết bị và để khô các bộ phận. Luôn rút phích cắm của thiết bị trước khi vệ sinh và đảm bảo rằng tất cả các bộ phận đã khô rồi mới cắm lại.
- Không được sử dụng oxy bổ sung khi đang hút thuốc hoặc khi có ngọn lửa trần.
- Luôn đảm bảo bật thiết bị và tạo luồng không khí trước khi bật nguồn cấp oxy. Luôn tắt nguồn cung cấp oxy trước khi tắt thiết bị để oxy chưa sử dụng không tích tụ trong vỏ thiết bị và gây nguy cơ hỏa hoạn.
- Không thực hiện bất kỳ công việc bảo trì nào trong khi thiết bị đang hoạt động.
- Không nên sử dụng thiết bị liên kế hoặc xếp chồng với các thiết bị khác. Nếu cần sử dụng liên kế hoặc xếp chồng, cần quan sát thiết bị để xác minh thiết bị hoạt động bình thường ở cấu hình sẽ được sử dụng.
- Không khuyến khích sử dụng các phụ kiện khác với phụ kiện được chỉ định cho thiết bị. Điều này có thể làm tăng lượng phát xạ hoặc giảm khả năng miễn nhiễm của thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra lọc khuẩn xem có dấu hiệu có hơi ẩm hoặc các chất gây ô nhiễm khác, đặc biệt là trong quá trình phun sương hoặc tạo ẩm. Nếu không làm vậy có thể dẫn đến tăng cân trở hệ thống hô hấp.
- Thiết bị này chưa được kiểm tra hoặc chứng nhận để sử dụng trong vùng lân cận thiết bị X-quang, Chụp cắt lớp (CT) hoặc Chụp cộng hưởng từ (MRI). Không mang thiết bị trong vòng 4 mét so với thiết bị chụp X-quang hoặc CT. Tuyệt đối không mang thiết bị vào môi trường MR.
- Không nên thay đổi cài đặt liệu pháp từ xa đối với bệnh nhân trong môi trường bệnh viện.

THẬN TRỌNG

- Chỉ sử dụng các bộ phận và phụ kiện của ResMed với thiết bị. Các bộ phận không phải của ResMed có thể làm giảm hiệu quả điều trị và/hoặc làm hỏng thiết bị.
- Chỉ sử dụng mặt nạ có lỗ thông khí theo khuyến nghị của ResMed hoặc bác sĩ kê toa thiết bị này. Lắp mặt nạ mà không có thiết bị thổi khí có thể dẫn đến tình trạng hít vào trở lại khí thở ra. Đảm bảo rằng các lỗ thông hơi mặt nạ được giữ thông thoáng và không bị bịt tắc để duy trì luồng không khí sạch đi vào mặt nạ.
- Cẩn thận không đặt thiết bị ở nơi có thể bị va đập hoặc nơi có khả năng có người đi vương vào dây nguồn.
- Chặn dây thở và/hoặc cổng vào của thiết bị khi đang hoạt động có thể khiến thiết bị quá nhiệt.
- Giữ gìn khu vực xung quanh thiết bị khô ráo, sạch sẽ và không có bất cứ thứ gì (ví dụ: quần áo hoặc chăn gối) có thể chặn luồng khí vào hoặc che lấp bộ cấp nguồn.
- Không đặt thiết bị nằm nghiêng khi đang gắn bộ tạo ẩm vì nước có thể lọt vào thiết bị.
- Việc thiết lập hệ thống không đúng có thể dẫn đến thông số đọc áp suất mặt nạ không chính xác. Đảm bảo hệ thống được thiết lập đúng.

- Không sử dụng chất tẩy hoặc các dung dịch có gốc hợp chất thơm, clo, cồn, xà phòng giữ ẩm hoặc kháng khuẩn hoặc dầu thơm để làm sạch thiết bị, bộ tạo ẩm hoặc dây thở. Những dung dịch này có thể gây hư hỏng hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của bộ tạo ẩm và làm giảm tuổi thọ của sản phẩm.
- Nếu quý vị sử dụng bộ tạo ẩm, luôn đặt thiết bị trên bề mặt bằng phẳng, thấp hơn đầu của quý vị, để ngăn nước chảy vào mặt nạ và dây thở.
- Để bộ tạo ẩm nguội trong mười phút trước khi sử dụng để nước nguội và đảm bảo rằng bộ tạo ẩm không quá nóng khi chạm vào.
- Đảm bảo rằng bộ tạo ẩm đã hết sạch nước trước khi vận chuyển thiết bị.

Lưu ý: Thiết bị không được thiết kế để sử dụng cho những người (kể cả trẻ em) bị suy giảm khả năng thể chất, giác quan hoặc tâm thần mà không có sự giám sát đầy đủ của người chịu trách nhiệm về sự an toàn của bệnh nhân.

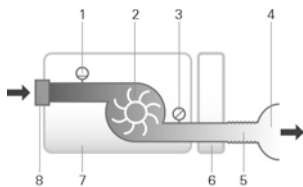
Thông số kỹ thuật

Đơn vị tính bằng cm H₂O và hPa. 1 cm H₂O tương đương với 0,98 hPa.

Bộ cấp nguồn 90W	
Dài đầu vào AC:	100–240V, 50–60Hz 1,0–1,5A, Cấp II 115V, 400Hz 1,5A, Cấp II (công suất định danh dùng cho máy bay)
Đầu ra DC:	24V <u> </u> <u> </u> 3,75A
Mức tiêu thụ điện thông thường:	53W (57VA)
Mức tiêu thụ điện tối đa:	104W (108VA)
Điều kiện môi trường	
Nhiệt độ hoạt động:	+5°C đến +35°C Lưu ý: Luồng không khí dễ thờ do thiết bị cung cấp liệu pháp này tạo ra có thể cao hơn nhiệt độ của phòng. Trong điều kiện nhiệt độ môi trường khắc nghiệt (40°C), thiết bị vẫn an toàn.
Độ ẩm hoạt động:	10 đến 95% độ ẩm tương đối, không ngưng tụ
Độ cao hoạt động:	Mức nước biển đến 8.500' (2.591 m); dải áp suất không khí 1013 hPa đến 738 hPa
Nhiệt độ bảo quản và vận chuyển:	-20°C đến +60°C
Độ ẩm bảo quản và vận chuyển:	5 đến 95% độ ẩm tương đối, không ngưng tụ
Khả năng tương thích điện từ trường	
Thiết bị Lumis tuân thủ tất cả các yêu cầu tương thích điện từ hiện hành (EMC) theo IEC 60601-1-2:2014, dành cho môi trường dân cư, thương mại và công nghiệp nhẹ. Các thiết bị liên lạc di động nên được đặt cách thiết bị ít nhất 1 m.	
Có thể tìm hiểu thông tin về khả năng miễn nhiễm và phát xạ điện từ của thiết bị ResMed này tại www.resmed.com/downloads/devices .	
Phân loại: IEC60601-1:2005+A1:2012	
Cấp II (cách điện kép), Loại BF, Bảo vệ chống xâm nhập IP22.	
Cảm biến	
Cảm biến áp suất:	Nằm bên trong đầu ra của thiết bị, loại đồng hồ đo áp suất analog, -5 đến +45 cm H ₂ O (-5 đến +45 hPa)
Cảm biến lưu lượng:	Nằm bên trong đầu vào thiết bị, loại lưu lượng lớn kỹ thuật số, -70 đến +180 L/phút

Áp suất tối đa ổn định một lỗi Thiết bị sẽ tắt khi có một lỗi nếu áp suất trạng thái ổn định vượt quá: 30 cm H₂O (30 hPa) trong hơn 6 giây hoặc 40 cm H₂O (40 hPa) trong hơn 1 giây.	
Âm thanh Mức áp suất được đo theo ISO 80601-2-70:2015 (chế độ CPAP): SlimLine: 25 dBA với sai số là 2 dBA Tiêu chuẩn: 25 dBA với sai số là 2 dBA SlimLine hoặc Tiêu chuẩn và tạo ẩm: 27 dBA với sai số là 2 dBA Mức công suất được đo theo ISO 80601-2-70:2015 (chế độ CPAP): SlimLine: 33 dBA với sai số là 2 dBA Tiêu chuẩn: 33 dBA với sai số là 2 dBA SlimLine hoặc Tiêu chuẩn và tạo ẩm: 35 dBA với sai số là 2 dBA Các giá trị phát xạ nhiễu số siêu phức được công bố theo ISO 4871:1996.	
Thiết bị vật lý và bộ tạo ẩm Kích thước (Cao x Rộng x Dày): 116 mm x 255 mm x 150 mm Cổng ra khí (tuân thủ ISO 5356-1:2004): 22 mm Trọng lượng (thiết bị và bộ tạo ẩm có thể làm sạch): 1268 g Cấu trúc vỏ: Nhựa nhiệt dẻo kỹ thuật chống cháy Dung tích đựng nước: Đến vạch đầy tối đa 380 mL Vật liệu bộ tạo ẩm có thể làm sạch: Nhựa đúc phun, thép không gỉ và gioăng silicone	
Nhiệt độ Tắm sưởi tối đa: 68°C Giới hạn: 74°C Nhiệt độ khí tối đa: ≤ 41°C	
Lọc bụi Tiêu chuẩn: Vật liệu: Sợi polyester không dệt Khả năng chắn bụi trung bình: >75% đối với bụi ~7 micron Không gây dị ứng: Vật liệu: Sợi acrylic và polypropylene trong nền polypropylene Hiệu quả: >98% đối với bụi ~7-8 micron; >80% đối với bụi ~0,5 micron	
Sử dụng trên máy bay ResMed xác nhận rằng thiết bị đáp ứng các yêu cầu của Cục Hàng Không Liên Bang (FAA) (RTCA/DO-160, phần 21, loại M) cho tất cả các giai đoạn của hành trình bay.	
Mô-đun không dây Công nghệ được sử dụng: 2G GSM, 3G, 4G (LTE) Thiết bị được khuyến nghị đặt cách cơ thể tối thiểu 2 cm trong khi hoạt động. Không áp dụng cho mặt nạ, ống hoặc phụ kiện. Công nghệ có thể không có sẵn tại mọi khu vực.	
Dải áp suất hoạt động S, ST, T, PAC, iVAPS: 2 đến 25 cm H₂O (2 đến 25 hPa) CPAP: 4 đến 20 cm H₂O (4 đến 20 hPa)	
Oxy bổ sung Lưu lượng cực đại: 15 L/phút (S, ST, T, PAC, CPAP), 4 L/phút (iVAPS)	

Đường dẫn dòng khí nén



1. Cảm biến lưu lượng
2. Bộ thổi
3. Cảm biến áp suất
4. Mặt nạ (Mask)
5. Dây thở
6. Bộ tạo ẩm
7. Thiết bị
8. Bộ lọc đầu vào

Tuổi thọ theo thiết kế

Thiết bị, bộ cấp nguồn:

5 năm

Bộ tạo ẩm có thể làm sạch:

2,5 năm

Dây thở:

6 tháng

Tổng quan

Bệnh nhân là người vận hành theo dự định.

Hiệu suất bộ tạo ẩm

Áp suất mặt nạ cm H ₂ O (hPa)	Đầu ra RH danh nghĩa %		Công suất danh nghĩa của hệ thống là AH ¹ , BTSP ²	
	Cài đặt 4	Cài đặt 8	Cài đặt 4	Cài đặt 8
3	85	100	6	>10
4	85	100	6	>10
10	85	100	6	>10
20	85	90	6	>10
25	85	90	6	>10

¹ AH - Độ Ẩm Tuyệt Đối tính bằng mg/L

² BTSP - Thân Nhiệt Áp Lực Độ Ẩm Bảo Hòa

Dây thở

Dây thở	Vật liệu	Chiều dài	Đường kính trong
ClimateLineAir	Các bộ phận điện và nhựa dẻo	2 m	15 mm
ClimateLineAir Oxy	Các bộ phận điện và nhựa dẻo	1,9 m	19 mm
SlimLine	Nhựa dẻo	1,8 m	15 mm
Tiêu chuẩn	Nhựa dẻo	2 m	19 mm
3 m	Nhựa dẻo	3 m	19 mm

Giới hạn nhiệt độ của dây thở có sưởi: ≤ 41°C

Lưu ý:

- Nhà sản xuất có quyền thay đổi các thông số kỹ thuật này mà không cần báo trước.
- Phía đầu nối điện của dây thở có sưởi chỉ tương thích với cổng khí ra ở đầu thiết bị và không được lắp vào mặt nạ.
- Không sử dụng dây thở có tính dẫn điện hoặc chống tĩnh điện.
- Các cài đặt nhiệt độ và độ ẩm tương đối hiển thị không phải là các giá trị đo được.

Các giá trị được hiển thị

Giá trị	Phạm vi	Độ phân giải hiển thị
Cảm biến áp suất tại cổng ra khí:		
Áp suất mặt nạ	2–25 cm H ₂ O (2–25 hPa)	0,1 cm H ₂ O (0,1 hPa)
Các giá trị dẫn xuất từ lưu lượng:		
Rò rỉ	0-120 L/phút	1 L/phút
Thể tích lưu thông	0–4000 mL	1 mL
Tần số thở	0–50 BPM	1 BPM
Thông khí phút	0-30 L/phút	0,1 L/phút
Ti	0,1–4,0 giây	0,1 giây
Tỷ lệ I:E (thời gian hít vào:thời gian thở ra)	1:100–2:1	0,1

Giá trị	Độ chính xác ¹
Giá trị đo áp suất ¹ :	
Áp suất mặt nạ ²	±[0,5 cm H ₂ O (0,5 hPa) + 4% giá trị đo được]
Lưu lượng và các giá trị dẫn xuất từ lưu lượng ¹ :	
Lưu lượng	±6 L/phút hoặc 10% giá trị đọc, tùy theo giá trị nào lớn hơn, ở lưu lượng dương từ 0 đến 150 L/phút
Rò rỉ ²	±12 L/phút hoặc 20% giá trị đọc, tùy theo giá trị nào lớn hơn, 0 đến 60 L/phút
Thể tích lưu thông ^{2,3}	±20%
Tần số thở ^{2,3}	±1,0 BPM
Thông khí phút ^{2,3}	±20%

¹ Kết quả được thể hiện dưới dạng STPD (Nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn, khô).

² Độ chính xác có thể giảm do có rò rỉ, oxy bổ sung, thể tích lưu thông <100 mL hoặc thông khí theo phút <3 L/phút.

³ Độ chính xác của phép đo được xác minh theo EN ISO 10651-6:2009 dành cho Thiết Bị Hỗ Trợ Thông Khí Chăm Sóc Tại Nhà (Hình 101 và Bảng 101) bằng cách sử dụng các luồng thông khí danh nghĩa mặt nạ ResMed.

Độ dao động của hệ thống đo lường

Theo ISO 80601-2-70:2015 độ dao động đo của thiết bị thử nghiệm của nhà sản xuất là:

Đối với phép đo lưu lượng	±1,5 L/phút hoặc ± 2,7% giá trị đọc (tùy theo giá trị nào lớn hơn)
Đối với phép đo thể tích (< 100 mL)	±5 mL hoặc 6% giá trị đọc (tùy theo giá trị nào lớn hơn)
Đối với phép đo thể tích (≥ 100 mL)	±20 mL hoặc 3% giá trị đọc (tùy theo giá trị nào lớn hơn)
Đối với phép đo áp suất	± 0,15 cm H ₂ O (0,15 hPa)
Đối với phép đo thời gian	± 10 ms

Độ chính xác áp suất

Độ biến thiên áp suất tính tối đa ở 10 cm H₂O (10 hPa) theo ISO 80601-2-70:2015

	Dây thở tiêu chuẩn	Dây thở SlimLine
Không tạo ẩm	± 0,5 cm H ₂ O (± 0,5 hPa)	± 0,5 cm H ₂ O (± 0,5 hPa)
Có tạo ẩm	± 0,5 cm H ₂ O (± 0,5 hPa)	± 0,5 cm H ₂ O (± 0,5 hPa)

Độ biến thiên áp suất động tối đa theo ISO 80601-2-70:2015

Thiết bị không có tạo ẩm và dây thở Tiêu chuẩn/Thiết bị có tạo ẩm và dây thở Tiêu chuẩn

Áp suất [cm H ₂ O (hPa)]	10 BPM	15 BPM	20 BPM
4	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
8	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
12	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
16	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
20	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
25	0,3 / 0,3	0,5 / 0,4	0,7 / 0,7

Thiết bị không có tạo ẩm và dây thở SlimLine/Thiết bị có tạo ẩm và dây thở SlimLine

Áp suất [cm H ₂ O (hPa)]	10 BPM	15 BPM	20 BPM
4	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
8	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
12	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
16	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
20	0,5 / 0,5	0,5 / 0,5	0,8 / 0,8
25	0,4 / 0,3	0,6 / 0,5	0,8 / 0,8

Độ chính xác áp suất - 2 mức

Độ biến thiên áp suất động tối đa theo ISO 80601-2-70:2015.

Thiết bị không có tạo ẩm và dây thở Tiêu chuẩn/Thiết bị có tạo ẩm và dây thở Tiêu chuẩn

Tốc độ thở	Áp suất hít vào (cm H ₂ O [hPa]) (Trung bình, Độ lệch chuẩn)				
	6	10	16	21	25
10 BPM	-0,09, 0,01 / - 0,22, 0,01	-0,01, 0,07 / - 0,22, 0,01	0,07, 0,05 / - 0,24, 0,01	-0,03, 0,09 / - 0,29, 0,03	0,12, 0,01 / - 0,26, 0,02
15 BPM	0,02, 0,08 / - 0,22, 0,01	0,12, 0,01 / - 0,22, 0,01	0,15, 0,01 / - 0,26, 0,01	0,15, 0,01 / - 0,31, 0,02	0,16, 0,12 / - 0,30, 0,02
20 BPM	0,17, 0,01 / - 0,23, 0,01	0,21, 0,01 / - 0,28, 0,01	0,25, 0,01 / - 0,34, 0,01	0,21, 0,17 / - 0,38, 0,02	0,32, 0,02 / - 0,40, 0,03
Tốc độ thở	Áp suất thở ra (cm H ₂ O [hPa]) (Trung bình, Độ lệch chuẩn)				
	2	6	12	17	21
10 BPM	-0,14, 0,01 / - 0,27, 0,01	-0,16, 0,01 / - 0,29, 0,02	-0,11, 0,10 / - 0,34, 0,02	-0,16, 0,05 / - 0,33, 0,01	-0,17, 0,05 / - 0,33, 0,02
15 BPM	-0,16, 0,01 / - 0,25, 0,01	-0,20, 0,01 / - 0,33, 0,02	-0,20, 0,05 / - 0,35, 0,01	-0,21, 0,05 / - 0,38, 0,02	-0,23, 0,08 / - 0,38, 0,02
20 BPM	-0,27, 0,01 / - 0,37, 0,01	-0,26, 0,02 / - 0,34, 0,01	-0,25, 0,01 / - 0,38, 0,01	-0,29, 0,01 / - 0,43, 0,02	-0,31, 0,01 / - 0,45, 0,03

Thiết bị không có tạo ẩm và dây thở SlimLine/Thiết bị có tạo ẩm và dây thở SlimLine

Tốc độ thở	Áp suất hít vào (cm H ₂ O [hPa]) (Trung bình, Độ lệch chuẩn)				
	6	10	16	21	25
10 BPM	-0,26, 0,01 / - 0,52, 0,01	-0,25, 0,02 / - 0,53, 0,02	-0,24, 0,02 / - 0,53, 0,01	-0,25, 0,02 / - 0,54, 0,02	-0,20, 0,02 / - 0,51, 0,02
15 BPM	-0,26, 0,01 / - 0,51, 0,01	-0,25, 0,01 / - 0,54, 0,01	-0,26, 0,01 / - 0,56, 0,01	-0,31, 0,03 / - 0,58, 0,02	-0,30, 0,05 / - 0,60, 0,03
20 BPM	-0,25, 0,02 / - 0,52, 0,01	-0,29, 0,02 / - 0,58, 0,01	-0,34, 0,02 / - 0,62, 0,01	-0,36, 0,02 / - 0,67, 0,02	-0,36, 0,03 / - 0,69, 0,02

Tốc độ thở	Áp suất thở ra (cm H ₂ O [hPa]) (Trung bình, Độ lệch chuẩn)				
	2	6	12	17	21
10 BPM	-0,28, 0,01 / - 0,43, 0,01	-0,30, 0,03 / - 0,50, 0,01	-0,30, 0,01 / - 0,54, 0,01	-0,33, 0,01 / - 0,58, 0,01	-0,34, 0,01 / - 0,60, 0,02
15 BPM	-0,24, 0,02 / - 0,37, 0,01	-0,29, 0,02 / - 0,47, 0,01	-0,35, 0,01 / - 0,55, 0,01	-0,38, 0,01 / - 0,62, 0,02	-0,42, 0,02 / - 0,66, 0,01
20 BPM	0,05, 0,21 / - 0,38, 0,01	-0,31, 0,02 / - 0,50, 0,02	-0,37, 0,02 / - 0,57, 0,02	-0,43, 0,02 / - 0,65, 0,02	-0,48, 0,02 / - 0,68, 0,02

Lưu ý: Bảng trên dựa trên dữ liệu bao gồm từ 60,1 đến 88,8% thời lượng của giai đoạn hít vào và 66,1 và 93,4% thời lượng của giai đoạn thở ra. Các khoảng cách thời gian dữ liệu này bắt đầu ngay sau các khoảng thời gian vượt quá/thiếu hụt thoáng qua ban đầu và kết thúc tại điểm mà lưu lượng giảm dần về giá trị tuyệt đối tương đương của điểm bắt đầu, về cuối các giai đoạn thở (tương ứng với % phạm vi giá trị được cung cấp ngay bên trên).

Lưu lượng (tối đa) ở áp suất cài đặt

Các thông số sau đây được đo theo tiêu chuẩn ISO 80601-2-70:2015 ở phần cuối của dây thở được chỉ định:

Áp suất cm H ₂ O (hPa)	Lumis và Tiêu chuẩn L/phút	Lumis, tạo ẩm và Tiêu chuẩn L/phút	Lumis và SlimLine L/phút	Lumis, tạo ẩm và ClimateLineAir L/phút
4	180	143	162	151
8	168	135	151	142
12	157	136	140	135
16	144	134	128	121
20	131	123	117	109
25	120	115	96	84

Hướng dẫn và tuyên bố của nhà sản xuất về phát xạ và miễn nhiễm điện từ

Thiết bị điện y tế cần các biện pháp phòng ngừa đặc biệt liên quan đến tương thích điện từ (EMC) và cần được lắp đặt và đưa vào sử dụng theo thông tin EMC được cung cấp trong tài liệu này.

Thiết bị Lumis được thiết kế để đáp ứng các tiêu chuẩn EMC. Tuy nhiên, nếu quý vị nghi ngờ hiệu suất của thiết bị (ví dụ: áp suất hoặc lưu lượng) bị ảnh hưởng bởi thiết bị khác, hãy di chuyển thiết bị ra xa nguyên nhân có thể gây nhiễu.

Hướng dẫn và tuyên bố của nhà sản xuất - phát xạ điện từ

Thiết bị này được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện từ được quy định dưới đây. Khách hàng hoặc người sử dụng thiết bị phải đảm bảo rằng thiết bị được sử dụng trong môi trường này.

Thử nghiệm phát xạ	Tính tuân thủ	Môi trường điện từ — hướng dẫn
Phát xạ tần số vô tuyến (RF) theo tiêu chuẩn CISPR 11	Nhóm 1	Thiết bị chỉ sử dụng năng lượng RF cho chức năng bên trong thiết bị. Do đó, phát xạ RF của thiết bị rất thấp và không có khả năng gây nhiễu cho các thiết bị điện từ gần đó.
Phát xạ tần số vô tuyến (RF) theo tiêu chuẩn CISPR 11	Hạng B	Thiết bị phù hợp để sử dụng trong tất cả các cơ sở, bao gồm các cơ sở kiểu hộ gia đình và các cơ sở kết nối trực tiếp với mạng điện hạ thế công cộng cung cấp cho các tòa nhà được sử dụng cho mục đích sinh hoạt gia đình.
Phát xạ hài hòa IEC 61000-3-2	Hạng A	
Dao Động Điện Áp/Phát Xạ Nhấp Nháy IEC 61000-3-3	Tuân thủ	

Hướng dẫn và tuyên bố của nhà sản xuất - miễn nhiễm điện từ

Thiết bị này được thiết kế để sử dụng trong môi trường điện từ được quy định dưới đây. Khách hàng hoặc người sử dụng thiết bị phải đảm bảo rằng thiết bị được sử dụng trong môi trường này.

Thử nghiệm khả năng miễn nhiễm	Cấp độ kiểm tra IEC60601-1-2	Mức độ tuân thủ	Môi trường điện từ — hướng dẫn
--------------------------------	------------------------------	-----------------	--------------------------------

Phóng tĩnh điện (ESD) IEC 61000-4-2	Tiếp điểm ± 6 kV Không khí ± 8 kV	Tiếp điểm ± 8 kV Không khí ± 15 kV	Sàn nhà nên bằng gỗ, bê tông hoặc gạch men. Nếu sàn được phủ bằng vật liệu tổng hợp, độ ẩm tương đối ít nhất phải đạt 30%.
Bùng nổ/quá độ điện nhanh IEC 61000-4-4	± 2 kV cho đường dây cấp điện ± 1 kV cho đường đầu vào/ra	± 2 kV ± 1 kV cho đường đầu vào/ra	Chất lượng nguồn điện phải bằng chất lượng cho môi trường thương mại hoặc bệnh viện thông thường.
Xung IEC 61000-4-5	Chế độ chênh lệch ± 1 kV Chế độ chung ± 2 kV	Chế độ chênh lệch ± 1 kV Chế độ chung ± 2 kV	Chất lượng nguồn điện phải bằng chất lượng cho môi trường thương mại hoặc bệnh viện thông thường.
Sụt điện áp, gián đoạn ngắn và thay đổi điện áp trên đường dây đầu vào của nguồn điện IEC 61000-4-11	$<5\%$ Ut (Sụt $>95\%$ Ut) trong 0,5 chu kỳ 40% Ut (Sụt 60% Ut) trong 5 chu kỳ 70% Ut (Sụt 30% Ut) trong 25 chu kỳ $<5\%$ Ut (Sụt $>95\%$ Ut) trong 5 giây	100V 240V	Chất lượng nguồn điện phải bằng chất lượng cho môi trường thương mại hoặc bệnh viện thông thường. Nếu người sử dụng thiết bị cần thiết bị tiếp tục hoạt động trong thời gian nguồn điện bị gián đoạn, nên cấp nguồn cho thiết bị từ nguồn điện liên tục.
Tần số nguồn (50/60Hz) từ trường IEC 61000-4-8	3 A/m	30 A/m	Từ trường tần số nguồn phải ở các mức đặc trưng của một vị trí điển hình trong môi trường thương mại hoặc bệnh viện điển hình.
RF truyền dẫn IEC 61000-4-6	3 Vrms 150kHz đến 80MHz	3 Vrms 150kHz đến 80MHz	Không nên sử dụng thiết bị liên lạc cầm tay và di động dùng sóng RF ở cách bất kỳ bộ phận nào của thiết bị, kể cả dây cáp, gần hơn khoảng cách tách biệt khuyến nghị tính được từ phương trình áp dụng cho tần số của máy phát.

Thử nghiệm khả năng miễn nhiễm	Cấp độ kiểm tra IEC60601-1-2	Mức độ tuân thủ	Môi trường điện từ — hướng dẫn
RF bức xạ IEC 61000-4-3	3 V/m 80 MHz đến 2,5 GHz	10 V/m 80 MHz đến 2,5 GHz	Khoảng cách tách biệt khuyến nghị $d = 0,35 \sqrt{P}$ $d = 0,35 \sqrt{P}$ 80 MHz đến 800 MHz $d = 0,70 \sqrt{P}$ 800 MHz đến 2,5 GHz Trong đó (P) là định mức công suất đầu ra tối đa của máy phát tính bằng watt (W) theo nhà sản xuất máy phát và d là khoảng cách tách biệt khuyến nghị tính bằng mét (m). Trường lực từ máy phát RF cố định, được xác định bằng khảo sát điện từ tại chỗ, ^a phải nhỏ hơn mức tuân thủ trong mỗi dải tần số. ^b Có thể xảy ra nhiễu ở vùng lân cận của thiết bị được đánh dấu bằng ký hiệu sau: 

^a Về lý thuyết, không thể dự đoán chính xác trường lực từ máy phát cố định, chẳng hạn như trạm gốc cho điện thoại (di động/không dây) dùng sóng vô tuyến và đài vô tuyến di động mặt đất, đài nghiệp dư, đài phát thanh sóng AM và FM và đài truyền hình. Để đánh giá môi trường điện từ do các máy phát RF cố định, nên thực hiện khảo sát điện từ tại chỗ. Nếu trường lực đo được ở vị trí sử dụng thiết bị vượt quá mức tuân thủ RF áp dụng ở trên, thiết bị cần được quan sát để xác minh hoạt động bình thường. Nếu quan sát thấy hiệu suất bất thường, có thể cần các biện pháp bổ sung, chẳng hạn như đặt lại hướng hoặc di dời thiết bị.

^b Trong dải tần số từ 150 kHz đến 80 MHz, trường lực phải nhỏ hơn 3 V/m.

Lưu ý:

- Ut là điện áp dòng điện xoay chiều trước khi áp dụng mức thử nghiệm.
- Ở 80 MHz và 800 MHz, dải tần số cao hơn sẽ được áp dụng.
- Những hướng dẫn này có thể không áp dụng trong mọi trường hợp. Lan truyền điện từ bị ảnh hưởng bởi sự hấp thụ và phản xạ từ các cấu trúc, vật thể và con người.

Khoảng cách tách biệt khuyến nghị giữa thiết bị liên lạc RF di động và xách tay với thiết bị

Thiết bị này được thiết kế để sử dụng trong môi trường kiểm soát nhiễu bức xạ RF. Khách hàng hoặc người sử dụng thiết bị có thể giúp giảm nhiễu điện từ bằng cách duy trì khoảng cách tối thiểu giữa thiết bị liên lạc RF xách tay và di động (máy phát) và thiết bị như khuyến nghị bên dưới, theo công suất đầu ra tối đa của thiết bị liên lạc.

Công suất đầu ra cực đại định mức của máy phát (W)	Khoảng cách tách biệt theo tần số của máy phát (m)		
	150 kHz đến 80 MHz $d = 0,35 \sqrt{P}$	80 MHz đến 800 MHz $d = 0,35 \sqrt{P}$	800 MHz đến 2,5 GHz $d = 0,7 \sqrt{P}$
0,01	0,035	0,035	0,070
0,1	0,11	0,11	0,22
1	0,35	0,35	0,70
10	1,1	1,1	2,2
100	3,5	3,5	7,0

Đối với các máy phát được định mức ở mức công suất đầu ra tối đa không được liệt kê ở trên, khoảng cách tách biệt khuyến nghị d tính bằng mét (m) có thể được xác định bằng cách sử dụng phương trình áp dụng cho tần số của máy phát, trong đó P là định mức công suất đầu ra cực đại của máy phát tính bằng watt (W) theo nhà sản xuất máy phát.

Lưu ý:

- Ở 80MHz và 800MHz, khoảng cách tách biệt dải tần số cao hơn sẽ được áp dụng.
- Những hướng dẫn này có thể không áp dụng trong mọi trường hợp. Lan truyền điện từ bị ảnh hưởng bởi sự hấp thụ và phản xạ từ các cấu trúc, vật thể và con người.

Ký hiệu

Các ký hiệu sau có thể xuất hiện trên sản phẩm hoặc bao bì.

 Đọc hướng dẫn trước khi sử dụng.  Biểu thị có cảnh báo hoặc cần cẩn trọng.  Làm theo hướng dẫn trước khi sử dụng.  Nhà sản xuất.  Đại Diện Được Ủy Quyền Tại Châu Âu.

 Mã lô.  Số catalog.  Số sê-ri.  Số thiết bị.  Bật/Tắt.  Trọng lượng thiết bị.

IP22 Được bảo vệ khỏi các vật có kích thước bằng ngón tay và chống nước nhỏ giọt khi nghiêng đến 15 độ so với phương đặt quy định.  Dòng điện một chiều.  Bộ phận ứng dụng kiểu BF.  Thiết bị cấp II.  Giới hạn độ âm.  Giới hạn nhiệt độ.  Bức xạ không ion hóa.

 Logo kiểm soát ô nhiễm của Trung Quốc 1.  Logo kiểm soát ô nhiễm của Trung Quốc 2.

Rx Only Chỉ bán theo đơn (Tại Hoa Kỳ, luật Liên bang quy định giới hạn chỉ bác sĩ mới được bán hoặc chỉ định bán thiết bị này).  **MAX** Mức nước tối đa.  Chỉ sử dụng nước cất.  Độ cao hoạt động.  Giới hạn áp suất không khí.  Tuân thủ RTCA DO-160 phần 21, loại M.

 Không an toàn trong môi trường MR (không sử dụng gần thiết bị MRI).



Thông tin môi trường

Thiết bị cần được thải bỏ riêng biệt, không phải rác thải đô thị chưa được phân loại. Để thải bỏ thiết bị, nên sử dụng các hệ thống thu gom, tái sử dụng và tái chế thích hợp được cung cấp trong khu vực. Việc sử dụng các hệ thống thu gom, tái sử dụng và tái chế này nhằm giảm áp lực lên tài nguyên thiên nhiên và ngăn chặn các chất độc hại ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Nếu cần thông tin về các hệ thống thải bỏ này, vui lòng liên hệ với cơ quan quản lý chất thải địa phương. Biểu tượng thùng rác gạch chéo có nghĩa là vui lòng sử dụng các hệ thống thải bỏ này. Nếu cần biết thông tin về việc thu thập và thải bỏ thiết bị ResMed, vui lòng liên hệ với văn phòng ResMed, nhà phân phối tại địa phương hoặc truy cập www.resmed.com/environment.

Bảo trì

Thiết bị Lumis được thiết kế để hoạt động an toàn và đáng tin cậy khi vận hành theo các hướng dẫn do ResMed cung cấp. ResMed khuyến nghị đưa thiết bị Lumis cho Trung tâm Dịch vụ ResMed được ủy quyền kiểm tra và bảo trì nếu có bất kỳ dấu hiệu hao mòn hoặc lo ngại nào về chức năng của thiết bị. Nếu không, không cần phải bảo dưỡng và kiểm tra các sản phẩm trong suốt tuổi thọ thiết kế của thiết bị.

Bảo hành hạn chế

ResMed Pty Ltd (sau đây gọi là "ResMed") bảo hành sản phẩm ResMed không có khiếm khuyết về chất liệu và tay nghề kể từ ngày mua trong khoảng thời gian được chỉ định bên dưới.

Sản phẩm	Thời gian bảo hành
- Hệ thống mặt nạ (bao gồm khung mặt nạ, phần đệm, mũ đội đầu và ống dẫn) — không bao gồm các thiết bị sử dụng một lần - Phụ kiện — không bao gồm các thiết bị sử dụng một lần - Cảm biến xung ngón tay loại linh hoạt - Khay nước của bộ tạo ẩm	90 ngày
Pin để sử dụng trong các hệ thống pin bên trong và bên ngoài ResMed	6 tháng
- Cảm biến xung ngón tay loại kẹp - CPAP và mô-đun dữ liệu thiết bị 2 mức - Máy đo oxy và CPAP và bộ đổi nguồn máy đo oxy thiết bị 2 mức - Khay nước có thể làm sạch cho bộ tạo ẩm - Thiết bị kiểm soát chuẩn độ	1 năm
- CPAP, thiết bị 2 mức và thiết bị thông khí (bao gồm cả bộ cấp nguồn bên ngoài) - Bộ tạo ẩm - Phụ kiện pin - Thiết bị chẩn đoán/tầm soát cầm tay	2 năm

Bảo hành này chỉ dành cho người dùng ban đầu. Không thể chuyển nhượng.

Nếu sản phẩm bị lỗi trong điều kiện sử dụng bình thường, ResMed sẽ sửa chữa hoặc thay thế, tùy theo lựa chọn tại thời điểm đó, sản phẩm bị lỗi hoặc bất kỳ thành phần nào trong đó.

Bảo Hành Hạn Chế này không bao gồm: a) bất kỳ hỏng hóc nào gây ra do sử dụng, lạm dụng, sửa đổi hoặc thay đổi sản phẩm không đúng cách; b) sửa chữa được thực hiện bởi bất kỳ tổ chức dịch vụ nào không được ResMed ủy quyền rõ ràng cho việc thực hiện các sửa chữa đó; và c) bất kỳ hư hỏng hoặc nhiễm bẩn nào do thuốc lá, tẩu, xì gà hoặc khói khác.

Bảo hành không có hiệu lực đối với sản phẩm được bán hoặc bán lại, bên ngoài khu vực mua ban đầu.

Yêu cầu bảo hành đối với sản phẩm bị lỗi phải do người mua ban đầu thực hiện tại điểm mua hàng.

Bảo hành này thay cho tất cả các bảo hành được diễn giải rõ ràng hoặc ngụ ý khác, bao gồm bất kỳ bảo hành ngụ ý nào về khả năng tiêu thụ hoặc tính phù hợp cho một mục đích cụ thể. Một số khu vực hoặc tiểu bang không cho phép giới hạn về thời gian bảo hành ngụ ý, vì vậy giới hạn trên có thể không áp dụng cho quý vị.

ResMed sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả nào được khiếu nại do việc bán, cài đặt hoặc sử dụng bất kỳ sản phẩm nào của ResMed. Một số khu vực hoặc tiểu bang không cho phép loại trừ hoặc giới hạn về hỏng hóc do tai nạn hoặc hậu quả, vì vậy giới hạn trên có thể không áp dụng cho quý vị.

Bảo hành này cung cấp cho quý vị các quyền lợi pháp lý cụ thể và quý vị cũng có thể được hưởng các quyền lợi khác nhau giữa các khu vực. Để biết thêm thông tin về quyền lợi bảo hành, hãy liên hệ với đại lý ResMed tại địa phương hoặc văn phòng ResMed.

Thông tin thêm

Nếu quý vị có bất kỳ câu hỏi nào hoặc yêu cầu thêm thông tin về cách sử dụng thiết bị, hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc của mình.



ResMed Pty Ltd

MANUFACTURER 1 Elizabeth Macarthur Drive Bella Vista NSW 2153 Úc

Xem www.ResMed.com để biết về các địa điểm của ResMed trên toàn thế giới. Để biết thông tin về bằng sáng chế và sở hữu trí tuệ khác, truy cập www.ResMed.com/ip. Air10, Lumis, ClimateLine, SlimLine, HumidAir, SmartStart và VPAP là các nhãn hiệu của ResMed. ClimateLine, SlimLine, SmartStart và VPAP đã được đăng ký tại Văn phòng Nhãn hiệu và Bằng sáng chế Hoa Kỳ. Logo SD là thương hiệu của SD-3C, LLC.
© 2023 ResMed. 288465/1 2023-02

ResMed.com



288465